

Số: 6121/QĐ-ĐHSP

Thái Nguyên, ngày 28 tháng 12 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Bản mô tả chương trình đào tạo Cử nhân Sư phạm Địa lý

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Căn cứ Nghị định số 31/CP, ngày 04/4/1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 08/2014/TT-BGDĐT, ngày 20 tháng 3 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Công văn số 1074/KTKĐCLGD-KĐĐH, ngày 28 tháng 6 năm 2016 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục, Bộ Giáo dục và Đào tạo, về việc hướng dẫn hướng dẫn chung về sử dụng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDDH;

Căn cứ Quyết định số 4155/QĐ-ĐHSP, ngày 4 tháng 10 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm về việc ban hành mẫu Bản mô tả chương trình đào tạo;

Xét đề nghị của Trưởng khoa Địa lý, Trưởng phòng Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bản mô tả chương trình đào tạo Cử nhân Sư phạm Địa lý của Trường Đại học Sư phạm.

Điều 2. Bản mô tả chương trình đào tạo là tài liệu cung cấp thông tin chi tiết về chương trình đào tạo Cử nhân Sư phạm Địa lý giúp người học, nhà tuyển dụng lao động và các bên liên quan khác hiểu về chương trình đào tạo; là tài liệu phục vụ cho hoạt động rà soát nội bộ và giám sát các hoạt động của chương trình đào tạo.

Điều 3. Trưởng khoa Địa lý, Trưởng phòng Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục, trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (để c/đ);
- Như Điều 3 (để t/h);
- Lưu: VT, Khoa Địa lý, KT&ĐBCLGD.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Nguyễn Thị Tính

**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
CỬ NHÂN SƯ PHẠM ĐỊA LÝ**

*(kèm theo Quyết định số 6121/QĐ-ĐHSP ngày 28/12/2018 của Hiệu trưởng
Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên)*

I. Mô tả chương trình đào tạo

1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo đại học cử nhân sư phạm Địa lý được điều chỉnh năm 2018 nhằm mục đích phát triển một số ngành đào tạo của Trường Đại học Sư phạm đạt tiêu chuẩn quốc gia; góp phần nâng cao chất lượng đào tạo đại học và thực hiện các chương trình về đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam.

Chương trình đào tạo đại học cử nhân sư phạm Địa lý được kế thừa từ chương trình đào tạo sư phạm Địa lý trước đó và được bổ sung, phát triển để đáp ứng với yêu cầu mới của giáo dục phổ thông. Tất cả các môn học thuộc chương trình đào tạo đại học cử nhân sư phạm Địa lý được giảng dạy bằng tiếng Việt bởi các giảng viên của trường ĐHSP - ĐHTN. Sinh viên học tập tại Khoa Địa lý được trang bị những kiến thức cơ bản về khoa học Địa lý, khoa học giáo dục; được giới thiệu giáo trình, sách chuyên khảo tại Thư viện Trường ĐHSP và Trung tâm học liệu Đại học Thái Nguyên.

2. Thông tin chung về chương trình đào tạo

Tên chương trình (tiếng Việt)	Sư phạm Địa lý
Tên chương trình (tiếng Anh)	Bachelor of Geography Education
Mã ngành đào tạo:	7140219
Trường cấp bằng:	Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên
Tên gọi văn bằng:	Cử nhân Sư phạm Địa lý
Trình độ đào tạo:	Đại học
Số tín chỉ yêu cầu:	135
Hình thức đào tạo:	Chính quy
Thời gian đào tạo:	4 năm
Đối tượng tuyển sinh:	Học sinh tốt nghiệp THPT
Thang điểm đánh giá	10

Điều kiện tốt nghiệp:	- Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo; - Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2.0 trở lên; - Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất; - Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ; - Đạt chuẩn đầu ra về công nghệ thông tin.
Vị trí việc làm:	- Giảng dạy môn địa lí trong các trường phổ thông, một số trường chuyên nghiệp có ngành Địa lí và các ngành gần (du lịch; tài nguyên - môi trường; kinh tế). - Có thể làm những công việc có liên quan đến lĩnh vực địa lí (chuyên viên của một số sở, ban ngành, viện nghiên cứu...) và lĩnh vực giáo dục tại các cơ quan phù hợp với chuyên môn đào tạo.
Học tập nâng cao trình độ:	Người tốt nghiệp có thể tiếp tục học thạc sĩ và tiến sĩ trong và ngoài nước.
Chương trình tham khảo khi xây dựng:	Chương trình Sư phạm Địa lí của các trường: Đại học Sư phạm Hà Nội, Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Vinh, Đại học Sư phạm Huế, Đại học Đà Nẵng
Thời gian cập nhật bản mô tả CTĐT	8/2018

3. Mục tiêu đào tạo của chương trình

3.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân sư phạm Địa lí có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; kiến thức cơ bản, chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng; có năng lực tự học, tự nghiên cứu, sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp, thích ứng với môi trường làm việc để phục vụ sự nghiệp giáo dục - đào tạo, đáp ứng yêu cầu công việc và hội nhập quốc tế, phát triển KT - XH của cả nước, đặc biệt là khu vực trung du miền núi phía Bắc.

3.2. Mục tiêu cụ thể

M1. Có kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên ngành Địa lí.

M2. Có kiến thức nền tảng về giáo dục chính trị, pháp luật và vận dụng được vào quá trình dạy học, nghiên cứu khoa học Địa lí và giáo dục học sinh.

M3. Có kiến thức về tâm lí học, giáo dục học, lý luận dạy học và vận dụng được vào quá trình dạy học môn Địa lí ở trường phổ thông.

M4. Có kiến thức, kỹ năng cơ bản về công nghệ thông tin và ngoại ngữ trong hoạt động chuyên môn.

M5. Có kỹ năng thực hành, giảng dạy, nghiên cứu khoa học về Địa lí.

M6. Có năng lực giao tiếp và hợp tác, tự học và tự chủ, giải quyết vấn đề và sáng tạo.

M7. Có phẩm chất đạo đức tốt, có trách nhiệm với xã hội.

4. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chương trình được thiết kế để đảm bảo sinh viên tốt nghiệp đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

4.1. Kiến thức

*** Kiến thức chung**

C1. Vận dụng được các kiến thức nền tảng về giáo dục chính trị và pháp luật, giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng trong tổ chức dạy học.

C2. Vận dụng được kiến thức cơ bản về tâm lý học, giáo dục học, lý luận dạy học bộ môn vào lập kế hoạch, tổ chức dạy học và hoạt động giáo dục ở trường phổ thông.

C3. Hiểu được Điều lệ trường phổ thông, quy định nhiệm vụ, quyền của giáo viên, giáo viên chủ nhiệm lớp và học sinh ở trường phổ thông.

*** Kiến thức chuyên môn**

C 4. Vận dụng được kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên ngành Địa lí vào dạy học và tổ chức hoạt động trải nghiệm môn địa lí ở trường phổ thông.

C5. Vận dụng được các kiến thức địa lí vào nghiên cứu khoa học và thực tiễn.

C6. Vận dụng các phương pháp dạy học bộ môn Địa lí trong đổi mới giáo dục và phát triển chương trình môn học ở trường phổ thông.

4.2. Kỹ năng

*** Kỹ năng chung**

C7. Có kỹ năng dạy học.

C8. Có kỹ năng nghiên cứu khoa học.

C9. Có kỹ năng phát triển chương trình.

C10. Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin và ngoại ngữ.

C11. Có kỹ năng tư vấn học đường.

*** Kỹ năng chuyên môn**

C12. Có kỹ năng vận dụng kiến thức địa lí trong giải quyết các vấn đề thực tiễn.

C13. Có kỹ năng sử dụng bản đồ và phương tiện trực quan trong dạy học địa lí.

C14. Có kỹ năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm trong môn địa lí.

4.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

C15. Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, thể hiện được quan điểm cá nhân trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

C16. Xây dựng và thực hiện được kế hoạch tự học, tự nghiên cứu để hoàn thành tốt nhiệm vụ chuyên môn, nghiệp vụ.

C17. Phối hợp với đồng nghiệp và các lực lượng liên quan để lập kế hoạch tổ chức hoạt động, quản lý người học; đánh giá và cải tiến có hiệu quả các hoạt động chuyên môn ở cấp tổ, nhóm chuyên môn hoặc phạm vi lớp học.

5. Ma trận mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu cụ thể	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo																
	Kiến thức						Kỹ năng								NL tự chủ và trách nhiệm		
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14	C15	C16	C17
MT1				x	x							x					
MT2	x																
MT3		x	x	x		x	x		x		x						x
MT4										x							
MT5				x	x	x	x	x	x			x	x				
MT6		x	x				x				x			x	x	x	x
MT7	x	x	x												x	x	x

6. Phương pháp/chiến lược dạy – học và phương pháp kiểm tra đánh giá

6.1. Phương pháp/chiến lược dạy – học

6.1.1. Chuẩn bị của giảng viên

i) Hiểu rõ dạng lớp học mà mình đảm nhiệm (lớp học có lý thuyết hay thực hành; môn học bắt buộc, môn học tự chọn hay môn học thay thế tốt nghiệp).

ii) Xác định kiểu dạy học phù hợp (dạy học liên môn, dạy học trực tuyến hay dạy học tích hợp).

iii) Hiểu rõ sinh viên của mình (sinh viên năm nhất, năm hai, năm ba, năm cuối đại học).

iv) Hiểu rõ về các chính sách trong học tập.

6.1.2. Các phương pháp/chiến lược dạy học

Phương pháp/chiến lược dạy học được thể hiện cụ thể trong từng học phần. Các phương pháp chính được sử dụng:

- Thuyết trình, thảo luận nhóm, thực tế chuyên môn (theo học phần), một số học phần có tiết dạy E-learning (tiến tới mỗi học phần có ít nhất 1 tín chỉ E-learning). Các học phần đã có 10 tiết E-learning:

- + Ứng dụng CNTT trong dạy học Địa lí
- + Bản đồ học
- + Địa lí kinh tế xã hội thế giới 1
- + Địa lí kinh tế xã hội Việt Nam 1
- + Địa lí đô thị

- Chú trọng tới thực hành, thảo luận: Mỗi học phần gồm số tiết bài tập, thảo luận, thực hành theo chương trình khung. Giờ bài tập, thực hành được tiến hành theo nhóm tại giảng đường.

6.1.3. Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học

- Lấy ý kiến phản hồi của sinh viên hàng năm
- Bộ môn thực hiện dự giờ giảng viên theo học kỳ, tổ chức góp ý cho GV thực hiện giờ giảng.
- Với những học phần mới, tổ chức thảo luận ở bộ môn về nội dung và phương pháp dạy học.
- Thường xuyên trao đổi, dự giờ chuyên môn giữa các giảng viên, lấy ý kiến phản hồi của sinh viên đối với giảng viên, thực tế tại các trường phổ thông...

6.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá

6.2.1. Thang điểm đánh giá

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

6.2.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

- Các hình thức đánh giá: tự luận, vấn đáp, bài tập lớn... phù hợp với đặc thù học phần, được thực hiện theo Quy chế đào tạo tín chỉ và Quy định đánh giá kết quả học tập của sinh viên.

Số tín chỉ của HP	Số điểm đánh giá quá trình (QT)			Tổng số đầu điểm QT
	Chuyên cần	Thường xuyên	Số bài kiểm tra định kỳ	
2	1	1	1	3
3-4	1	2	2	5
5	1	2	3	6

- Trọng số điểm:

+ Đánh giá quá trình 50% (trong đó kiểm tra định kỳ 25%, 25% trọng số điểm còn lại do Khoa quy định).

+ Thi kết thúc học phần: 50%

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
<i>(Hình thức đánh giá được lựa chọn phù hợp với đặc trưng của từng môn học)</i>					
1.	Chuyên cần	...	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học		5
			- Thời gian tham dự buổi học bắt buộc		5
2.	Bài tập cá nhân, tiểu luận	...	- Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, đúng hạn		2
			- Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu		5
			- Sử dụng công nghệ đáp ứng yêu cầu		2
			- Ý tưởng sáng tạo		1
3.	Bài tập nhóm	...	- Thời gian tham gia họp nhóm		1
			- Thái độ tham gia		1
			- Ý kiến đóng góp		2
			- Thời gian giao nộp sản phẩm		1
			- Chất lượng sản phẩm giao nộp		5
4.	Thí nghiệm/ thực hành	...	- Tích cực nêu vấn đề thảo luận và chia sẻ		1
			- Thực hiện đúng các thao tác, quy trình		2
			- Kết quả đầy đủ và đáp ứng yêu cầu		3
			- Kết quả được giải thích và chứng minh		3
			- Báo cáo thực hành đúng yêu cầu		1
5.	Seminar (*bài	...	- Nội dung đầy đủ theo yêu cầu		4
			- Lập luận có căn cứ khoa học và logic		1

	làm theo nhóm)		- Trình bày báo cáo rõ ràng		2
			- Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt		1
			- Trả lời câu hỏi đầy đủ, thỏa đáng		1
			* Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời		1
6.	Bài kiểm tra định kì	25%	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên		10
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%) <i>(Hình thức đánh giá được lựa chọn phù hợp để đánh giá chuẩn đầu ra của môn học)</i>					
7.	Tự luận		Theo đáp án và thang điểm đề thi kết thúc học phần.		10
8.	Trắc nghiệm		Theo đáp án và thang điểm đề thi kết thúc học phần.		10
9.	Vấn đáp		Theo đáp án đề thi và Rubric đánh giá vấn đáp quy định chung của Trường		10
10.	Thực hành		Theo đáp án đề thi và Rubric đánh giá thực hành quy định chung của Trường		10
11.	Tiểu luận		Theo đề cương đáp án và Rubric đánh giá tiểu luận quy định chung của Trường		10
12.	Bài tập lớn		Theo đề cương đáp án và Rubric đánh giá bài tập lớn quy định chung của Trường		10

II. Mô tả chương trình dạy học (Curriculum)

1. Cấu trúc chương trình dạy học

TT	Khối kiến thức, số tín chỉ	Loại học phần	Số tín chỉ
1.	Kiến thức chung, 24 tín chỉ	Bắt buộc	22
		Tự chọn	2
2.	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, 69 tín chỉ	Bắt buộc	61
		Tự chọn	8

		Tự chọn	
4.	Kiến thức nghiệp vụ sư phạm, 35 tín chỉ	Bắt buộc	33
		Tự chọn	2
5.	Khoá luận, các học phần thay thế khoá luận tốt nghiệp, 7 tín chỉ	Bắt buộc	7
		Tự chọn	7
Tổng số			135

* Khối kiến thức giáo dục đại cương, gồm 16 học phần: *Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin; Tư tưởng Hồ Chí Minh; Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; Pháp luật đại cương; Tiếng Anh 1; Tiếng Anh 2; Tiếng Anh 3; Giáo dục thể chất 1; Giáo dục thể chất 2; Giáo dục thể chất 3; Giáo dục quốc phòng; Tiếng Việt thực hành; Tin học đại cương; Môi trường và phát triển; Cơ sở văn hoá Việt Nam; Văn hoá và phát triển.*

Khối kiến thức giáo dục đại cương giúp người học có kiến thức nền tảng về khoa học xã hội; Rèn luyện thể lực; Khả năng biện luận; Giữ vững tư tưởng chính trị trong xu thế hội nhập và phát triển.

* Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành + kiến thức liên ngành KHXH + kiến thức chuyên ngành), gồm 35 học phần (trong đó gồm các môn bắt buộc và tự chọn): *Bản đồ học; Địa chất học; Đại cương lịch sử Thế giới; Đại cương lịch sử Việt Nam; Bản đồ giáo khoa; Các nền văn minh thế giới; Biển - Đảo Việt Nam; Việt Nam trong quá trình toàn cầu hóa; Toán xác suất thống kê; Vật lý cho địa lý; Sinh thái và đa dạng sinh học; Hóa học và đời sống; Trái Đất, khí quyển, thạch quyển; Thủy quyển, Thổ nhưỡng quyển và sinh quyển; Quy luật địa lý chung của Trái Đất và cảnh quan; Thực địa Địa lý tự nhiên; Địa lý tự nhiên lục địa 1; Địa lý tự nhiên lục địa 2; Địa lý tự nhiên Việt Nam- Phần khái quát; Địa lý tự nhiên Việt Nam - Phần khu vực; Địa lý KTXH đại cương 1; Địa lý KTXH đại cương 2; Thực địa Địa lý Kinh tế - xã hội; Địa lý KTXH thế giới 1; Địa lý KTXH thế giới 2; Địa lý KTXH Việt Nam 1; Địa lý KTXH Việt Nam 2; Hệ thống thông tin địa lý; Thực địa địa lý tổng hợp; Biến đổi khí hậu toàn cầu; Thiên tai và biện pháp phòng chống; Địa lý nhiệt đới; Địa lý du lịch; Địa lý Đông Nam Á; Địa lý đô thị.*

Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp trang bị cho người học kiến thức chuyên sâu về chuyên ngành lịch sử: kiến thức cơ sở ngành, kiến thức liên ngành (KHXH) và kiến thức chuyên ngành.

* Khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm, gồm 17 học phần: *Tâm lý học giáo dục; Giáo dục học; Giao tiếp sư phạm, Phát triển chương trình Địa lý; Lý luận dạy học Địa lý; Phương pháp dạy học Địa lý ở trường phổ thông; Phương pháp dạy học Khoa học*

xã hội; *Dạy học Địa lí địa phương; Ứng dụng CNTT trong dạy học Địa lí; Thực hành sư phạm 1; Thực hành sư phạm 2; Thực hành sư phạm 3; Thực tập sư phạm 1; Thực tập sư phạm 2; Đánh giá trong dạy học Địa lí; Hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong môn Địa lí; Địa danh trong dạy học Địa lí;*

Khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm giúp cho người học nhận biết và vận dụng kiến thức tâm lý học, giáo dục học và phương pháp dạy học Địa lí trong dạy học bộ môn. Qua đó, sinh viên được rèn nghề, tổ chức các hoạt động dạy học theo chương trình ở trường phổ thông, đáp ứng yêu cầu đổi mới hiện nay.

* Khoá luận, các học phần thay thế khoá luận tốt nghiệp, gồm 6 học phần: *Khí hậu học và đời sống; Tài nguyên nước và sự sống trên Trái Đất; Dân số và sức khỏe sinh sản; Kinh tế phát triển; Chuyên đề bồi dưỡng học sinh giỏi; Dạy học đa phương tiện trong môn Địa lí.*

Khối kiến thức này gồm các chuyên đề học tập nhằm mở rộng, nâng cao kiến thức chuyên ngành và nghiệp vụ sư phạm.

2. Danh sách các học phần

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
1. Kiến thức giáo dục đại cương			24
Các học phần bắt buộc			22
1	MLP151N	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin	5
2	HCM121N	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
3	VCP131N	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3
4	EDL121N	Pháp luật đại cương	2
5	ENG131N	Tiếng Anh 1	3
6	ENG132N	Tiếng Anh 2	3
7	ENG143N	Tiếng Anh 3	4
8	PHE111N	Giáo dục thể chất 1	
9	PHE112N	Giáo dục thể chất 2	
10	PHE113N	Giáo dục thể chất 3	
11	MIE131N	Giáo dục quốc phòng	
Các môn tự chọn			2
12	GME121M	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành	2
13	GIF121N	Tin học đại cương	2
14	VIU121N	Tiếng Việt thực hành	2
15	VCF121N	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2
16	CDE121N	Văn hóa và phát triển	2
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			67

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
2.1. Kiến thức cơ sở			16
Các môn bắt buộc			12
17	HFW231N	Đại cương lịch sử thế giới	3
18	HFV231N	Đại cương lịch sử Việt Nam	3
19	GME231N	Bản đồ học	3
20	GGE231N	Địa chất học	3
Các môn tự chọn			4
21	MTB221N	Bản đồ giáo khoa	2
22	CIW221N	Các nền văn minh thế giới	2
23	VSI221N	Biển, đảo Việt Nam	2
24	VPG221N	Việt Nam trong quá trình toàn cầu hóa	2
25	SPE221N	Toán xác suất thống kê	2
26	PFG221N	Vật lý cho Địa lý	2
27	BDS221N	Sinh thái và đa dạng sinh học	2
28	CFL321N	Hóa học và đời sống	2
2.2. Kiến thức chuyên ngành			53
Các môn bắt buộc			49
29	EAL241N	Trái Đất, khí quyển, thạch quyển	4
30	HSB232N	Thủy quyển, thổ nhưỡng quyển và sinh quyển	3
31	GRL223N	Quy luật địa lý chung của trái đất và cảnh quan	2
32	NGF221N	Thực địa địa lý tự nhiên	2
33	NCG231N	Địa lý tự nhiên lục địa 1	3
34	NCG222N	Địa lý tự nhiên lục địa 2	2
35	NVG231N	Địa lý tự nhiên Việt Nam: Phần khái quát	3
36	NVR232N	Địa lý tự nhiên VN: Phần khu vực	3
37	SEG331N	Địa lý KT-XH đại cương 1	3
38	SEG342N	Địa lý KT-XH đại cương 2	4
39	EGF222N	Thực địa địa lý KTXH	2
40	EWG231N	Địa lý KT-XH thế giới 1	3
41	EWG232N	Địa lý KT-XH thế giới 2	3
42	EVG241N	Địa lý KTXH Việt Nam 1	4
43	EVG232N	Địa lý KT-XH Việt Nam 2	3
44	GIS231N	Hệ thống thông tin địa lý	3
45	GGF223N	Thực địa Địa lý tổng hợp	2
Các môn tự chọn			4
Các môn tự chọn Địa lý tự nhiên			2

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
46	CCG221N	Biến đổi khí hậu toàn cầu	2
47	NDE221N	Thiên tai và biện pháp phòng tránh	2
48	TPG221N	Địa lí nhiệt đới	2
Các môn tự chọn Địa lí kinh tế - xã hội			2
49	SEG221N	Địa lí du lịch	2
50	EGP221N	Địa lí Đông Nam Á	2
51	URG221N	Địa lí đô thị	2
3. Kiến thức nghiệp vụ sư phạm			35
Các môn bắt buộc			33
52	EPS331M	Tâm lý học giáo dục	3
53	PEP341M	Giáo dục học	4
54	COS321M	Giao tiếp sư phạm	2
55	GDC321N	Phát triển chương trình Địa lí	2
56	TTG331N	Lý luận dạy học Địa lí	3
57	TMG332N	Phương pháp dạy học Địa lí ở trường phổ thông	3
58	MTS331N	Phương pháp dạy học khoa học xã hội	3
59	LGT321N	Dạy học địa lí địa phương	2
60	PPB321N	Thực hành sư phạm Địa lí 1	2
61	PPB322N	Thực hành sư phạm Địa lí 2	2
62	PPB323N	Thực hành sư phạm Địa lí 3	2
63	TRA321N	Thực tập sư phạm 1	2
64	TRA332N	Thực tập sư phạm 2	3
Các môn tự chọn phương pháp			2
65	ETG321N	Đánh giá trong dạy học địa lí	2
66	ECA321N	Hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong môn Địa lí	2
67	STG321N	Địa danh trong dạy học địa lí	2
68	ITG321N	Ứng dụng CNTT trong dạy học Địa lí	2
4. Khoá luận, các học phần thay thế khoá luận tốt nghiệp			7
Khoá luận tốt nghiệp			
69	GTG971N	Khoá luận tốt nghiệp	7
Các học phần thay thế KLTN (chọn 7 TC)			7
70	CLG921N	Khí hậu học và đời sống	2
71	WLG921N	Tài nguyên nước và sự sống trên Trái Đất	2
72	PRH921N	Dân số và sức khỏe sinh sản	2
73	EDP921N	Kinh tế phát triển	2

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
74	FSG931N	Chuyên đề bồi dưỡng học sinh giỏi	3
75	LMG931N	Dạy học đa phương tiện trong môn địa lí	3
Tổng cộng			135

3. Trình tự nội dung chương trình dạy học

Năm thứ nhất					
Học kỳ 1			Học kỳ 2		
Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ
Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin*	MLP151N	5	Tiếng Anh 2*	ENG132N	3
Tiếng Anh 1*	ENG131N	3	Giáo dục thể chất 2*	PHE112N	1
Giáo dục thể chất 1*	PHE111N	1	Trái Đất, khí quyển, thạch quyển*	EAL241N	4
Bản đồ học*	GME231N	3	Địa lí KT-XH đại cương 1*	SEG331N	3
Địa chất học*	PHE111N	1	Tâm lý học giáo dục*	EPS331M	3
Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành	GME121M	2	Biến đổi khí hậu toàn cầu	CCG221N	2
Tin học đại cương	GIF121N	2	Thiên tai và biện pháp phòng tránh	NDE221N	2
Tiếng Việt thực hành	VIU121N	2	TPG221N Địa lí nhiệt đới	TPG221N	2
Cơ sở văn hóa Việt Nam	VCF121N	2			
Văn hóa và phát triển	CDE121N	2			

Năm thứ hai					
Học kỳ 3			Học kỳ 4		
Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ
Tư tưởng Hồ Chí Minh*	HCM121N	2	Đại cương lịch sử Việt Nam*	HFV231N	3
Tiếng Anh 3*	ENG143N	4	Quy luật địa lí chung của trái đất và cảnh quan*	GRL223N	2
Giáo dục thể chất 3*	PHE113N	1	Thực địa địa lí tự nhiên *	NGF221N	2
Đại cương lịch sử thế giới*	HFV231N	3	Địa lí tự nhiên lục địa 1*	NCG231N	3
Thủy quyền, thổ nhưỡng quyền và sinh quyền*	HSB232N	3	Địa lí KT-XH thế giới 1*	EWG231N	3
Địa lí KT-XH đại cương 2*	SEG342N	4	Giáo dục học *	PEP341M	4
Bản đồ giáo khoa	MTB221N	2	Giao tiếp sư phạm*	COS321M	2
Các nền văn minh thế giới	CIW221N	2	Dạy học địa lí địa phương*	LGT321N	2
Biển, đảo Việt Nam	VSI221N	2			
Việt Nam trong quá trình toàn cầu hóa	VPD221N	2			
Toán xác suất thống kê	SPE221N	2			
Vật lí cho Địa lí	PFG221N	2			
Sinh thái và đa dạng	BDS221N	2			

sinh học					
Hóa học và đời sống	CFL321N	2			

Năm thứ ba					
Học kỳ 5			Học kỳ 6		
Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ
Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam*	VCP131N	3	Pháp luật đại cương* 1	EDL121N	2
Địa lí tự nhiên lục địa 2*	NCG222N	2	Địa lí tự nhiên VN: Phần khu vực*	NVR232N	3
Địa lí tự nhiên Việt Nam: Phần khái quát	NVG231N	3	Thực địa địa lí KTXH*	EGF222N	2
Địa lí KT-XH thế giới 2*	EWG232N	3	Địa lí KTXH Việt Nam 1*	EVG241N	4
Hệ thống thông tin địa lí *	GIS231N	3	Phương pháp dạy học Địa lí ở trường phổ thông*	TMG332N	3
Lý luận dạy học Địa lí*	TTG331N	3	Thực hành sư phạm Địa lí*	PPB321N	2
Thực tập sư phạm 1*	TRA321N	2	Đánh giá trong dạy học địa lí	ETG321N	2
		3	Hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong môn Địa lí	ECA321N	2
		2	Địa danh trong dạy học địa lí	STG321N	2
		3	Ứng dụng CNTT trong dạy học Địa lí	ITG321N	2

Năm thứ tư	
Học kỳ 7	Học kỳ 8

Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ
Địa lí KT-XH Việt Nam 2*	EVG232N	3	Thực địa Địa lí tổng hợp*	GGF223N	2
Phát triển chương trình Địa lí*	GDC321N	2	Thực tập sư phạm 2*	TRA332N	3
Phương pháp dạy học khoa học xã hội*	MTS331N	3	Khoá luận tốt nghiệp	GTG971N	7
Thực hành sư phạm Địa lí 2*	PPB322N	2	Khí hậu học và đời sống	CLG921N	2
Thực hành sư phạm Địa lí 3*	PPB323N	2	Tài nguyên nước và sự sống trên Trái Đất	WLG921N	2
Địa lí du lịch	SEG221N	2	Dân số và sức khỏe sinh sản	PRH921N	2
Địa lí Đông Nam Á	EGP221N	2	Kinh tế phát triển	EDP921N	2
Địa lí đô thị	URG221N	2	Chuyên đề bồi dưỡng học sinh giỏi	FSG931N	3
		3	Dạy học đa phương tiện trong môn địa lí	LMG931N	3

Ghi chú: (*) là học phần bắt buộc



- 4. Ma trận đóng góp của các khối kiến thức vào mức độ đạt được chuẩn đầu ra**
(0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp mức thấp; 2= Đóng góp mức trung bình; 3= Đóng góp mức cao)

Khối kiến thức	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo																
	Kiến thức chung			Kiến thức chuyên môn			Kỹ năng chung					Kỹ năng chuyên môn			NL tự chủ và trách nhiệm		
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14	C15	C16	C17

Chung	3	3	1	2	3	3	3	3	3	2	2	2	2	2	2	2	2
Chuyên nghiệp	1	2	3	3	0	0	0	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2
Chuyên ngành	1	2	3	3	0	0	0	1	2	1	1	1	1	1	2	2	3
NVSP	1	2	3	3	2	0	0	2	2	3	3	3	3	2	2	2	3
TT KLTN	1	2	3	3	1	0	0	2	2	3	3	3	3	2	2	2	2

5. Ma trận đóng góp của học phần vào mức độ đạt được chuẩn đầu ra

(0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp mức thấp; 2= Đóng góp mức trung bình;

3= Đóng góp mức cao)

Mã, tên học phần	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo																
	Kiến thức chung			Kiến thức chuyên môn			Kỹ năng chung					Kỹ năng chuyên môn			NL tự chủ và trách nhiệm		
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14	C15	C16	C17
Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin	3	0	0	0	0	0	2	1	0	0	2	0	0	0	2	2	2
Tư tưởng Hồ Chí Minh	3	0	0	0	0	0	2	1	0	0	2	0	0	0	2	2	2
Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	0	0	0	0	0	2	1	0	0	1	0	0	0	3	2	2
Pháp luật đại cương	3	0	0	0	0	0	1	2	0	0	1	0	0	0	3	1	1
Tiếng Anh 1	0	0	0	0	0	0	1	0	1	1	0	0	0	0	0	1	1
Tiếng Anh 2	0	0	0	0	0	0	2	0	2	2	0	0	0	0	0	2	2
Tiếng Anh 3	0	0	0	0	0	0	2	0	2	3	0	0	0	0	0	3	3
Giáo dục thể chất 1	3	0	1	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0	0	1	1	1
Giáo dục thể chất 2	3	0	1	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0	0	1	1	1
Giáo dục thể chất 3	3	0	1	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0	0	1	1	1
Giáo dục quốc phòng	3	0	1	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0	0	1	1	1

Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành	3	0	1	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0	0	1	1	1
Tin học đại cương	3	0	1	0	0	0	2	0	0	3	0	0	0	0	1	1	1
Tiếng Việt thực hành	3	0	1	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0	0	1	1	1
Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	0	1	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0	0	1	1	1
Văn hóa và phát triển	3	0	1	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0	0	1	1	1
Đại cương lịch sử thế giới	0	0	0	0	0	0	1	1	1	0	0	0	0	0	2	2	2
Đại cương lịch sử Việt Nam	0	0	0	0	0	0	1	1	1	0	0	0	0	0	2	2	2
Bản đồ học	1	0	0	3	3	3	2	0	1	0	2	3	3	2	1	3	2
Địa chất học	1	0	0	2	3	2	1	1	2	0	2	3	3	2	0	3	2
Bản đồ giáo khoa	1	1	0	2	3	3	2	1	2	0	1	3	3	2	0	2	2
Các nền văn minh thế giới	1	0	3	3	0	0	0	0	2	1	1	1	2	0	1	2	0
Biển, đảo Việt Nam	1	2	2	3	3	3	2	2	1	0	1	3	3	2	2	3	2
Việt Nam trong quá trình toàn cầu hóa	2	0	3	3	1	2	1	0	2	1	1	2	2	1	1	2	0
Toán xác suất thống kê	0	0	0	0	0	0	2	2	0	2	0	0	0	0	1	1	1
Vật lí cho Địa lí	0	0	0	2	0	0	1	0	0	1	0	0	0	0	2	2	1
Sinh thái và đa dạng sinh học	0	1	1	1	3	2	2	1	1	2	1	1	3	2	3	3	0
Hóa học và đời sống	0	0	3	0	0	2	2	1	0	2	2	0	2	1	1	1	0
Trái Đất, khí quyển, thạch quyển	1	1	0	3	3	2	2	2	1	2	1	3	3	2	1	2	2
Thủy quyển, thổ nhưỡng quyển và sinh quyển	1	1	0	3	3	3	2	2	1	1	1	3	3	2	3	3	2
Quy luật địa lí chung của trái đất và cảnh quan	1	0	0	2	3	2	1	1	2	0	2	3	3	2	0	3	2
Thực địa địa lí tự nhiên	1	0	0	2	3	2	1	1	2	0	3	2	3	3	0	3	2
Địa lí tự nhiên lục địa 1	1	0	0	2	3	2	1	1	2	0	2	3	3	2	0	3	2

Địa lí tự nhiên lục địa 2	1	0	0	3	3	3	2	0	1	2	2	3	3	2	0	3	2
Địa lí tự nhiên Việt Nam: Phần khái quát	0	1	1	3	3	2	2	2	1	0	1	3	3	2	1	3	2
Địa lí tự nhiên VN: Phần khu vực	0	1	1	3	3	2	2	2	1	0	1	3	3	2	1	3	2
Địa lí KT-XH đại cương 1	1	1	1	3	3	3	1	1	1	0	1	3	3	2	1	3	1
Địa lí KT-XH đại cương 2	1	1	1	3	3	2	1	1	0	0	1	3	3	2	2	1	0
Thực địa địa lí KTXH	1	2	2	3	3	2	2	2	1	1	2	3	3	3	2	3	2
Địa lí KT-XH thế giới 1	0	1	2	2	2	3	2	2	2	2	2	2	3	3	3	3	3
Địa lí KT-XH thế giới 2	0	1	2	2	2	3	2	2	2	2	2	2	3	3	3	3	3
Địa lí KTXH Việt Nam 1	1	1	1	2	2	1	1	3	1	2	1	1	3	3	3	1	1
Địa lí KT-XH Việt Nam 2	2	1	0	3	3	3	2	3	1	2	1	2	2	1	3	1	1
Hệ thống thông tin địa lí	1	1	0	3	3	2	1	1	3	2	2	3	3	1	1	3	2
Thực địa Địa lí tổng hợp	1	2	3	3	3	2	2	2	1	0	2	3	3	2	2	3	2
Biến đổi khí hậu toàn cầu	1	1	0	3	3	2	2	2	1	1	1	3	3	2	1	2	2
Thiên tai và biện pháp phòng tránh	1	0	0	3	3	3	1	0	0	1	1	3	3	3	0	3	1
Địa lí nhiệt đới	0	1	1	3	3	2	1	2	1	0	1	3	3	2	1	3	3
Địa lí du lịch	1	2	2	3	3	3	2	2	1	1	3	3	3	2	2	3	2
Địa lí Đông Nam Á	1	2	2	3	3	3	2	2	1	0	1	3	3	2	1	3	1
Địa lí đô thị	1	0	1	3	3	2	1	1	1	0	1	3	3	2	1	3	1
Tâm lý học giáo dục	0	3	1	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	2	2	3
Giáo dục học	0	3	1	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	2	2	3
Giao tiếp sư phạm	0	3	1	0	0	0	3	2	2	0	3	0	0	0	2	2	3
Phát triển chương trình Địa lí	2	3	3	3	3	3	2	2	2	1	2	3	3	3	3	3	3
Lý luận dạy học Địa lí	1	2	2	3	3	3	2	2	1	0	1	3	3	2	2	3	2

Phương pháp dạy học Địa lí ở trường phổ thông	2	2	2	3	3	2	2	3	2	1	1	3	3	2	2	3	2
Phương pháp dạy học khoa học xã hội	2	2	2	3	3	3	3	3	2	2	2	3	3	3	3	3	3
Dạy học địa lí địa phương	0	1	2	2	2	3	2	2	3	2	2	2	3	3	3	3	3
Thực hành sự phạm Địa lí 1	2	3	3	3	3	3	3	2	2	1	2	3	3	3	3	3	3
Thực hành sự phạm Địa lí 2	2	2	2	3	3	2	2	3	2	0	1	3	3	2	2	3	2
Thực hành sự phạm Địa lí 3	1	3	2	3	3	3	3	3	2	1	2	3	3	3	2	3	3
Thực tập sự phạm 1	1	3	3	2	2	2	3	0	0	0	3	1	1	1	3	3	3
Thực tập sự phạm 2	1	3	3	2	2	2	3	0	0	0	3	1	1	1	3	3	3
Đánh giá trong dạy học địa lí	2	3	3	3	3	3	2	2	2	1	2	3	3	3	3	3	3
Hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong môn Địa lí	2	2	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3
Địa danh trong dạy học địa lí	1	1	0	3	3	3	1	1	1	1	1	3	3	3	0	3	2
Ứng dụng CNTT trong dạy học Địa lí	1	2	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3
Khoá luận tốt nghiệp	1	1	1	3	3	3	1	3	2	1	1	3	3	2	3	3	3
Khí hậu học và đời sống	1	1	0	3	3	2	2	2	1	1	1	3	2	2	1	2	2
Tài nguyên nước và sự sống trên Trái Đất	1	1	0	3	3	3	1	1	2	1	1	3	3	3	0	3	2
Dân số và sức khỏe sinh sản	1	1	0	3	3	3	1	1	1	1	1	3	3	3	0	3	2
Kinh tế phát triển	1	2	2	3	3	3	2	2	1	0	1	3	3	2	2	3	2
Chuyên đề bồi dưỡng học sinh giỏi	2	2	2	3	3	2	2	3	2	1	1	3	3	2	2	3	2
Dạy học đa phương tiện trong môn địa lí	1	1	0	2	3	3	2	1	2	0	1	3	3	2	0	2	2

6. Mô tả tóm tắt các học phần

6.1. MLP151N, Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin (5 tín chỉ):

Thế giới quan và phương pháp luận triết học của chủ nghĩa Mác – Lênin; Học thuyết của chủ nghĩa Mác - Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa; Lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về chủ nghĩa xã hội. Nghiên cứu môn học này, sinh viên có được hiểu biết cơ bản kiến thức về các nguyên lý, quy luật vận động, phát triển của thế giới; hiểu và vận dụng được học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác - Lênin và những vấn đề cơ bản trong tiến trình xây dựng chủ nghĩa xã hội.

6.2. HCM121N, Tư tưởng Hồ Chí Minh (2 tín chỉ)

Tư tưởng Hồ Chí Minh là môn học bắt buộc thuộc phần kiến thức giáo dục đại cương, đối tượng nghiên cứu là hệ thống những quan điểm lý luận của Hồ Chí Minh về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam.

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh. Đồng thời, học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh còn tập trung luận giải nội dung những chuyên đề cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; tư tưởng về chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; tư tưởng về Đảng cộng sản Việt Nam; tư tưởng về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; tư tưởng về Nhà nước của dân, do dân, vì dân; tư tưởng về văn hoá, đạo đức và xây dựng con người mới.

Môn học này có mối quan hệ trực tiếp với môn Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam và các môn học thuộc khoa học lý luận chính trị, khoa học xã hội - nhân văn.

6.3. VCP131N, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (3 tín chỉ)

Môn Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam cơ bản nghiên cứu đường lối do Đảng đề ra trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam từ năm 1930 đến nay. Không kể chương mở đầu, môn học gồm 8 chương. Ở các chương 1,2,3 nghiên cứu về đường lối cách mạng của Đảng trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân (1930-1975); Ở các chương 4,5,6,7,8 nghiên cứu về đường lối của Đảng trong thời kỳ đổi mới như: Đường lối công nghiệp hoá, đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, đường lối xây dựng hệ thống chính trị, đường lối xây dựng, phát triển nền văn hoá và giải quyết các vấn đề xã hội và đường lối đối ngoại. Nghiên cứu môn học này, sinh viên sẽ có những kiến thức cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam, hiểu được quá trình hình thành, bổ sung, phát triển đường lối cách mạng của Đảng, đánh giá được kết quả thực hiện đường lối cách mạng của Đảng trên một số lĩnh vực cơ bản của thời kỳ đổi mới.

6.4. EDL121N, Pháp luật đại cương (2 tín chỉ)

Pháp luật đại cương là môn học bắt buộc thuộc phần kiến thức giáo dục đại cương của tất cả các chương trình đào tạo. Đối tượng nghiên cứu của môn học là những vấn đề chung và cơ bản nhất của nhà nước và pháp luật nói chung, của Nhà nước và pháp luật

nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nói riêng. Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về một số ngành luật quan trọng trong hệ thống pháp luật Việt Nam như: Luật Hiến pháp, Luật Hành chính, Luật Hình sự, Luật Dân sự...

6.5. ENG131N, Tiếng Anh 1 (3 tín chỉ)

Môn học này rèn cho người học các kỹ năng sử dụng tiếng Anh bằng việc đưa họ vào các tình huống giao tiếp hàng ngày. Đó là tự giới thiệu, nói chuyện về bản thân, về sở thích, kể về kinh nghiệm bản thân, bày tỏ nhu cầu ý kiến. Qua những bài học này, người học có cơ hội học được văn hoá của những nước nói tiếng Anh.

Sau khi học xong chương trình tiếng Anh ở phổ thông, đây là chương trình dạy kế tiếp. Sinh viên sử dụng vốn từ, cấu trúc ngữ pháp mà các em đã lĩnh hội từ trước để phát triển khả năng ngôn ngữ và nâng cao kinh nghiệm học ngoại ngữ và kỹ năng tự học, kỹ năng làm việc theo nhóm, kỹ năng diễn đạt bằng ngôn ngữ.

6.6. ENG132N, Tiếng Anh 2 (3 tín chỉ)

Học phần tiếng Anh 2 là học phần thứ hai sau tiếng Anh 1 có vai trò quan trọng trong việc phát triển năng lực sử dụng tiếng Anh của sinh viên, góp phần giúp các em bước đầu tiếp cận với trình độ tiếng Anh B1.

Khóa học nhằm cung cấp cho người học các kỹ năng sử dụng tiếng Anh bằng việc đưa họ vào các tình huống giao tiếp hàng ngày. Đó là nói về sở thích, công việc, cuộc sống học đường hoặc đưa ra chỉ dẫn. Qua những bài học này, người học có cơ hội học được văn hoá của những nước nói tiếng Anh.

Thông qua việc học trực tuyến trên phần mềm EMODO, sinh viên hình thành được ý thức tự học, tự rèn luyện và tạo thói quen làm việc có kế hoạch.

6.7. ENG131N, Tiếng Anh 3 (4 tín chỉ)

Môn học này rèn cho người học các kỹ năng sử dụng tiếng Anh bằng việc đưa họ vào các tình huống giao tiếp hàng ngày. Đó là tự giới thiệu, nói chuyện về tính cách, gia đình, nhà cửa, bạn bè, việc làm, tài chính, giáo dục, thể thao, giải trí, đồ ăn, nhà hàng. Qua những bài học này, người học có cơ hội học được văn hoá của những nước nói tiếng Anh.

Sau khi học xong chương trình tiếng Anh I và Tiếng Anh II ở trường Đại học, đây là chương trình dạy kế tiếp. Sinh viên sử dụng vốn từ, cấu trúc ngữ pháp mà các em đã lĩnh hội từ trước để phát triển khả năng ngôn ngữ và nâng cao kinh nghiệm học ngữ.

Qua những bài học tiếng Anh và học tập bằng đề án, người học sẽ nhận thức rõ vai trò của tiếng Anh trong các lĩnh vực của cuộc sống, trong thời kỳ hội nhập với các nước trong khu vực và toàn thế giới. Họ sẽ suy nghĩ và có chiến lược phấn đấu trong học hành để ngày mai có tương lai tươi sáng.

6.8. PHE111N, Giáo dục thể chất 1 (1 tín chỉ)

GDTC 1 là môn học bắt buộc trong học phần GDTC dành cho sinh viên không chuyên TDTT Trường ĐHSP - ĐH Thái Nguyên. Trong học phần này, sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức về lịch sử TDTT, ý nghĩa, tác dụng của tập luyện TDTT đối với con người; các nguyên tắc, phương pháp GDTC và vệ sinh trong tập luyện TDTT, những kỹ thuật cơ bản của các nội dung gồm: chạy cự ly ngắn, nhảy xa, các bài tập Đội hình đội ngũ và bài Thể dục tay không. Giúp sinh viên nâng cao sức khỏe, góp phần rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong nhanh nhẹn, tinh thần tập thể... tạo điều kiện thuận lợi cho việc tập luyện trong các môn thể thao khác cũng như rèn luyện sức khỏe bản thân.

6.9. PHE112N, Giáo dục thể chất 2: (1 tín chỉ)

Nội dung môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về một số môn thể thao như: bóng chuyền, bóng rổ, Aerobic, võ thuật và biết được một số chấn thương thường gặp trong khi chơi thể thao và cách phòng ngừa, sơ cứu.

6.10. PHE113N, Giáo dục thể chất 3 (1 tín chỉ)

Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về môn Thể thao như Khiêu vũ Thể thao, Bóng ném, Đá cầu, Cầu lông, Cờ vua và lịch sử, kỹ - chiến thuật, luật thi đấu; Biết được một số chấn thương thường gặp trong môn Thể thao mình tập luyện, cách phòng ngừa, sơ cứu chấn thương.

6.11. MIE 131N, Giáo dục quốc phòng

6.12. GME121M, Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành (2 tín chỉ)

Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản lý nhà nước và quản lý ngành, cơ chế tổ chức và nội dung quản lý hành chính nhà nước về giáo dục, từ đó giúp người học ý thức được (những chức trách nhiệm vụ của mình trong quá trình xây dựng nền hành chính tối ưu, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và công bằng giáo dục.

Môn học cũng chú trọng đến việc hình thành các kỹ năng nhận thức và vận dụng những kiến thức vào việc bồi dưỡng nhân cách người giáo viên, đồng thời góp phần hình thành các kỹ năng về quản lý học sinh, quản lý nhà trường.

6.13. GIF121N, Tin học đại cương (2 tín chỉ)

Nội dung của học phần này bao gồm: Các khái niệm cơ bản về xử lý thông tin và máy tính điện tử; các thao tác khai thác một số dịch vụ Internet phục vụ học tập, nghiên cứu và giảng dạy, các kỹ năng sử dụng hệ điều hành để thao tác trên máy tính điện tử; khai thác một số phần mềm ứng dụng, soạn thảo và lưu trữ các văn bản phục vụ công tác văn phòng; sử dụng hệ bảng để tính toán khoa học và giải quyết các vấn đề chuyên môn; sử dụng phần mềm trình chiếu để tạo bài trình chiếu hấp dẫn, hiệu quả.

6.14. VIU121N, Tiếng Việt thực hành (2 tín chỉ)

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cách chính âm, chính tả, dùng từ, đặt câu; cách tiếp nhận và tạo lập một số loại văn bản thông dụng.

Học phần có cấu trúc gồm 2 chương. Chương 1: *Rèn luyện kỹ năng về chính âm, chính tả, dùng từ, đặt câu*. Chương 2: *Rèn luyện kỹ năng tiếp nhận và tạo lập văn bản*.

Nhờ các kỹ năng này, người học có thể nâng cao năng lực giao tiếp của mình trong các hoạt động đọc, viết, nghe, nói. Đồng thời người học có thể vận dụng các tri thức kỹ năng có được từ môn học để làm các đề tài nghiên cứu khoa học sinh viên, nâng cao hiệu quả giao tiếp hành chính, hiệu quả giảng dạy các bài tiếng Việt thực hành ở trường PT, bồi dưỡng năng lực tự học, năng lực hợp tác, năng lực tin học

6.15. VCF121N, Cơ sở văn hóa Việt Nam (2 tín chỉ)

Môn học trang bị cho SV những tri thức cơ bản, quan trọng, mang tính chất đặc thù của văn hóa Việt Nam. Môn học gồm có 3 chương, ngoài những kiến thức đại cương nhằm cung cấp cho người học cái nhìn khái quát về văn hóa và văn hóa học nói chung, nội dung chủ yếu đi sâu vào hầu hết các vấn đề cơ bản của văn hóa Việt Nam như: định vị văn hóa Việt Nam; tiến trình văn hóa Việt Nam; một số thành tố văn hóa cơ bản; các vùng văn hóa Việt Nam; văn hóa Việt Nam từ truyền thống đến hiện đại.

6.16. CDE121N, Văn hóa và phát triển (2 tín chỉ)

Môn học nằm trong khối kiến thức cơ sở ngành, nhóm các học phần tự chọn. Môn học trình bày những tri thức cơ bản của chuyên ngành liên quan tới văn hóa, phân tích mối quan hệ giữa văn hóa và phát triển, chỉ ra vai trò, ảnh hưởng, tác động của văn hóa tới sự phát triển kinh tế, xã hội và ngược lại. Môn học cũng liên hệ tới văn hóa Việt Nam, nhận diện và phân tích những đặc điểm cơ bản của văn hóa Việt Nam, vai trò của nó đối với sự phát triển của kinh tế, xã hội Việt Nam trong bối cảnh đương đại và sự tác động của kinh tế tới sự phát triển văn hóa

6.17. HFW231N, Đại cương lịch sử thế giới (3 tín chỉ)

Những vấn đề cơ bản của lịch sử xã hội nguyên thủy: sự xuất hiện loài người và Bầy người nguyên thủy, Công xã thị tộc và đời sống của con người thời nguyên thủy.

Những vấn đề cơ bản của lịch sử cổ đại: Các quốc gia phương Đông cổ đại và các quốc gia phương Tây cổ đại.

Những vấn đề cơ bản của lịch sử thế giới cận đại: Các cuộc cách mạng tư sản, sự hình thành phong trào công nhân và phong trào Cộng sản thế giới, - Mâu thuẫn của các nước đế quốc và chiến tranh Thế giới thứ nhất, văn hóa thế giới thời Cận đại.

Những vấn đề cơ bản của lịch sử thế giới hiện đại: cách mạng tháng Mười Nga năm 1917 và công cuộc xây dựng Chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô (1917-1991), quá trình hình thành Chủ nghĩa phát xít và Chiến tranh thế giới Thứ Hai, phong trào giải phóng dân

tộc từ năm 1918 đến cuối thế kỉ XX, Quan hệ quốc tế từ năm 1945 đến năm 2010, Cách mạng khoa học kĩ thuật từ năm 1945 đến cuối năm 2010

6.18. HFV231N, Đại cương lịch sử Việt Nam (3 tín chỉ)

Đại cương lịch sử Việt Nam là một học phần có xu hướng tích hợp, liên môn với các ngành khoa học của các khoa cơ bản như: Địa lí, Ngữ văn, Giáo dục chính trị, Giáo dục Quốc phòng – An Ninh... Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản và hệ thống về Lịch sử Việt Nam. Bao gồm các nội dung lớn như: Sự phát triển kế tiếp của các triều đại, các thời đại lịch sử; quá trình ra đời và hoàn thiện của hệ thống nhà nước và pháp luật; những thành tựu về phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội; lịch sử đấu tranh giành độc lập dân tộc và những cuộc chiến tranh chống ngoại xâm bảo vệ độc lập dân tộc và toàn vẹn lãnh thổ...

6.19. GME231N, Bản đồ học (3 tín chỉ)

Bản đồ học là môn học bắt buộc đối với sinh viên sư phạm Địa lí. Môn học này cung cấp cho sinh viên có được những kiến thức cơ bản, hiện đại về Bản đồ học, bản đồ địa lí; phương pháp bản đồ; cơ sở toán học của bản đồ; ngôn ngữ bản đồ; khái quát hóa bản đồ; phân loại, thành lập và sử dụng bản đồ địa lí.

Khóa học này tập trung vào các nguyên tắc cơ bản của bản đồ. Các lớp học sẽ là một sự kết hợp của các bài giảng, thảo luận về các chủ đề như: tổng quan về bản đồ học, các nguyên tắc lập bản đồ cơ bản, phân tích bản đồ, tác động của công nghệ mới trên bản đồ

Kiến thức về bản đồ học là kiến thức nền tảng giúp người học tiếp thu các kiến thức về địa lí tự nhiên cũng như kinh tế - xã hội được tốt hơn.

6.20. GGE231N, Địa chất học (3 tín chỉ)

Địa chất học là môn học bắt buộc đối với sinh viên sư phạm Địa lí. Môn học gồm phần mở đầu và 6 chương, cung cấp cho người học các kiến thức sau đây: Phần mở đầu giới thiệu về đối tượng và nhiệm vụ của địa chất học, các phương pháp nghiên cứu địa chất; Chương 1 cung cấp các phương pháp nghiên cứu cấu tạo Trái đất, cấu trúc và trạng thái vật chất bên trong, cùng với các tính chất lí - hóa của Trái đất; Chương 2 cung cấp các vấn đề cơ bản nhất của khoáng vật và đá gồm khái niệm, đặc điểm cấu tạo lí - hóa và cách phân loại chúng; Chương 3 cung cấp các đặc điểm chính của các quá trình địa chất nội sinh; Chương 4 cung cấp các đặc điểm quan trọng của các quá trình địa chất ngoại sinh; Chương 5 cung cấp một số kiến thức cơ bản về cổ sinh học và địa tầng học; Chương 6 giới thiệu về các thời kì phát triển của Trái đất. Kiến thức về địa chất học là kiến thức nền tảng giúp người học tiếp thu các kiến thức về địa lí tự nhiên cũng như kinh tế - xã hội trên thế giới và ở Việt Nam được tốt hơn.

6.21. MTB221N, Bản đồ giáo khoa (2 tín chỉ)

Môn học cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản, hiện đại về bản đồ giáo khoa gồm: định nghĩa bản đồ giáo khoa, cơ sở toán học của bản đồ giáo khoa, ngôn ngữ bản đồ giáo khoa, tổng quát hóa bản đồ giáo khoa, phân loại bản đồ giáo khoa. Hướng dẫn người học biết tự thiết kế bản đồ, sử dụng bản đồ giáo khoa trong việc dạy học môn học và trong nghiên cứu khoa học.

6.22. CIW221N, Các nền văn minh thế giới (2 tín chỉ)

Học phần trang bị kiến thức về khái niệm văn hóa, văn minh; Sự hình thành, phát triển và suy tàn của các nền văn minh trong lịch sử; Các thành tựu văn minh tiêu biểu. Các cuộc chiến tranh lớn, các cuộc cách mạng công nghiệp và các dòng chảy văn hóa.

6.23. VSI221N, Biển, đảo Việt Nam (2 tín chỉ)

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về địa lí tự nhiên biển, đảo Việt Nam: vị trí, giới hạn và đặc điểm chung, điều kiện tự nhiên, các đặc điểm hải văn. Vấn đề khai thác và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, môi trường biển, đánh giá giá trị kinh tế của tài nguyên biển. Phân tích tiềm năng và thực trạng phát triển kinh tế biển Việt Nam. Vấn đề chủ quyền vùng biển của Việt Nam trên biển Đông. Chiến lược biển của Việt Nam và giáo dục biển đảo trong nhà trường.

6.24. VPG221N, Việt Nam trong quá trình toàn cầu hóa (2 tín chỉ)

Đây là môn học trong chương trình đào tạo giáo viên khối khoa học xã hội, có liên hệ chặt chẽ với các môn học: địa lí và lịch sử về thế giới và Việt Nam. Môn học trang bị cho sinh viên hiểu biết những vấn đề cơ bản về toàn cầu hóa nói chung: khái niệm, quá trình phát triển, biểu hiện và tác động trên phạm vi thế giới, những yếu tố quy định toàn cầu hóa giai đoạn hiện nay. Trên cơ sở đó, trang bị cho học sinh kiến thức để hiểu biết, đánh giá về điều kiện, chủ trương, đường lối của Đảng, Nhà nước và quá trình tham gia toàn cầu hóa của Việt Nam; biểu hiện và tác động của toàn cầu hóa đối với Việt Nam; cơ hội và thách thức cho đất nước và bản thân.

6.25. SPE221N, Toán xác suất thống kê (2 tín chỉ)

Nội dung môn học bao gồm hai phần:

Xác suất: Trong phần này sẽ nghiên cứu về biến cố, xác suất của biến cố, biến ngẫu nhiên rời rạc; các đặc trưng của biến ngẫu nhiên; các loại phân phối cơ bản.

Thống kê: Trong phần này sẽ nghiên cứu về lý thuyết mẫu, phương pháp ước lượng điểm, ước lượng khoảng. Các bài toán kiểm định giả thiết thống kê. Một số vấn đề về tương quan và hồi quy tuyến tính.

6.26. PFG221N, Vật lí cho Địa lí (2 tín chỉ)

Nội dung môn học bao gồm các khái niệm, hiện tượng về các lực trong tự nhiên như lực hấp dẫn, lực đàn hồi, lực ma sát; chuyển động của vật trong hệ quy chiếu phi quán tính, chất lưu và chuyển động của chất lưu; các khái niệm và hiện tượng về điện

từ trường, từ trường trái đất, vai trò của điện từ trường trong địa lý; các khái niệm cơ bản về hạt nhân và các hiện tượng phóng xạ, phản ứng hạt nhân, năng lượng hạt nhân. Nội dung môn học cũng đề cập đến và giải thích một số hiện tượng trong tự nhiên và đời sống, các ứng dụng trong khoa học kỹ thuật.

Môn Vật lý cho địa lý là môn học cơ sở, cung cấp cho sinh viên các kiến thức nền tảng để nghiên cứu các môn học khác trong chương trình Địa lý

6.27. BDS221N, Sinh thái và đa dạng sinh học (2 tín chỉ)

Sinh thái và đa dạng sinh học là môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo. Môn học cung cấp cho sinh viên những khái niệm về sinh thái học, môi trường, các nhân tố sinh thái, quần thể, quần xã, hệ sinh thái, sinh quyển, đa dạng sinh học và bảo tồn ĐDSH. Môn học giúp sinh viên hiểu được tác động của các nhân tố sinh thái lên đời sống sinh vật và sự thích nghi của sinh vật, mối quan hệ giữa các cá thể trong quần thể, các đặc trưng của quần thể, mối quan hệ khác loài trong quần xã, các tính chất của quần xã, diễn thế sinh thái và dòng vật chất, năng lượng trong hệ sinh thái. Các giá trị của đa dạng sinh học, suy thoái đa dạng sinh học và nguyên nhân gây ra suy thoái, các phương thức bảo tồn đa dạng sinh học và đa dạng sinh học ở Việt Nam.

6.28. CFL321N, Hóa học và đời sống (2 tín chỉ)

Học phần Hóa học và đời sống sẽ trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về môi trường, ô nhiễm môi trường, nguồn gây ô nhiễm môi trường. Đặc biệt sinh viên sẽ được biết và hiểu về những điều lý thú của Hóa học đối với đời sống, mối liên hệ giữa Hóa học với Địa lý. Đồng thời giúp sinh viên vận dụng những kiến thức đã được trang bị vào thực tiễn đời sống, sản xuất cũng như phục vụ công tác giảng dạy.

6.29. EAL241N, Trái Đất, khí quyển, thạch quyển (4 tín chỉ)

Nội dung học phần gồm: Đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu địa lý tự nhiên. Phần Trái Đất: Cấu tạo, hình dạng kích thước Trái Đất và những hệ quả của nó; vận động của Trái Đất và những hệ quả địa lý. Phần Khí quyển: thành phần và cấu trúc của khí quyển, bức xạ và nhiệt độ, khí áp, hoàn lưu khí quyển, nước trong khí quyển, các nhân tố hình thành khí hậu và các đới khí hậu. Phần Thạch quyển gồm: các khái niệm, nguồn gốc và quá trình hình thành địa hình; các dạng địa hình cơ bản.

6.30. HSB232N, Thủy quyển, thổ nhưỡng quyển và sinh quyển (3 tín chỉ)

Môn học này cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản nhất về các quá trình phát sinh phát triển của thủy quyển, sinh quyển, thổ nhưỡng quyển. Mối quan hệ giữa khí quyển, thổ nhưỡng, sinh quyển. Sự phân bố của các đối tượng tự nhiên như hệ thống sông ngòi trên thế giới, các loại thổ nhưỡng, các thảm thực vật trên Trái Đất.

6.31. GRL223N, Quy luật địa lý chung của trái đất và cảnh quan (2 tín chỉ)

Quy luật địa lý chung của Trái đất và Cảnh quan là môn học bắt buộc đối với sinh viên chuyên ngành Sư phạm Địa lý. Môn học này gồm 2 phần: Phần 1 cung cấp những

nội dung cơ bản về các quy luật địa lí chung của Trái đất như quy luật thống nhất và hoàn chỉnh của lớp vỏ địa lí, quy luật tuần hoàn vật chất và năng lượng, quy luật nhịp điệu, quy luật địa đới và phi địa đới. Phần 2 được chia làm 5 chương: chương 1 giới thiệu về đối tượng và các phương pháp nghiên cứu cảnh quan học, khái niệm, thành phần và cấu trúc của cảnh quan; chương 2 nghiên cứu về động lực phát triển, các kiểu phát triển và các giai đoạn cảnh quan; chương 3 cung cấp một số vấn đề cơ bản về nguyên tắc phân vùng và hệ thống phân vùng cảnh quan; chương 4 cung cấp các đặc điểm chính của các đới cảnh quan trên Trái đất; chương 5 giới thiệu một số nội dung chính về cảnh quan học ứng dụng.

6.32. NGF221N, Thực địa địa lí tự nhiên (2 tín chỉ)

Thực địa Địa lí tự nhiên là học phần bắt buộc đối với sinh viên chuyên ngành Sư phạm Địa lí. Nội dung học phần gồm 4 chương thực hành, mỗi chương sẽ cung cấp các kiến thức và phương pháp cơ bản nhất để nghiên cứu một số thành phần tự nhiên ở ngoài thực địa như địa chất - địa hình (chương 1), khí hậu (chương 2), thủy văn (chương 3), thổ nhưỡng và sinh vật (chương 4). Những kiến thức, kỹ năng thực tế và trải nghiệm mà học phần đem lại sẽ giúp sinh viên biết cách lập kế hoạch và tổ chức một chuyến đi thực địa địa lí tự nhiên; biết so sánh, gắn kết các kiến thức lý thuyết với thực tiễn; hình thành năng lực học tập, nghiên cứu ngoài thực địa và áp dụng vào việc tổ chức các hoạt động trải nghiệm cho học sinh ở trường phổ thông.

6.33. NCG231N, Địa lí tự nhiên lục địa 1 (3 tín chỉ)

Địa lí tự nhiên lục địa 1 là môn học bắt buộc đối với sinh viên chuyên ngành Sư phạm Địa lí. Môn này gồm 3 chương, mỗi chương nghiên cứu một lục địa trong tổng số 6 lục địa của thế giới gồm lục địa Phi, lục địa Á - Âu và lục địa Nam Cực. Ở mỗi lục địa, sinh viên sẽ được cung cấp các kiến thức cơ bản về điều kiện tự nhiên của lục địa đó như: vị trí địa lí, hình dạng và giới hạn lãnh thổ; lịch sử phát triển địa chất; địa hình - khoáng sản; khí hậu; thủy văn; các đới cảnh quan. Đây là những kiến thức nền tảng giúp sinh viên có thể hiểu và giải thích được các vấn đề địa lí tự nhiên, cũng như là kinh tế - xã hội của các lục địa, châu lục trên thế giới, đồng thời cũng là cơ sở kiến thức quan trọng để tiếp tục học về địa lí tổ quốc..

6.34. NCG222N, Địa lí tự nhiên lục địa 2 (2 tín chỉ)

Học phần Địa lí tự nhiên lục địa 2 trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về điều kiện tự nhiên của lục địa Bắc Mỹ, Nam Mỹ và Ôxtrâyliia như: vị trí địa lí, hình dạng và giới hạn lãnh thổ, lịch sử phát triển địa chất, địa hình - khoáng sản, khí hậu, thủy văn và các đới cảnh quan. Đây là những kiến thức nền tảng giúp sinh viên có thể hiểu và giải thích được các vấn đề địa lí kinh tế - xã hội của các châu lục trên thế giới, đồng thời có thêm các kiến thức về địa lí tự nhiên để dạy học địa lí ở bậc phổ thông.

6.35. NVG231N, Địa lí tự nhiên Việt Nam: Phần khái quát (3 tín chỉ)

Học phần Địa lí tự nhiên Việt Nam khái quát gồm 8 chương. Chương 1 tìm hiểu về đặc điểm chung của tự nhiên Việt Nam. Các chương 2,3,4,5,6,7 tìm hiểu về đặc điểm của từng thành phần tự nhiên trên lãnh thổ Việt Nam bao gồm: Địa chất, địa hình, khí hậu, thủy văn, thổ nhưỡng, sinh vật. Chương 8 là những nội dung liên quan đến sử dụng và bảo vệ các tổng thể tự nhiên một cách hợp lí và bền vững.

6.36. NVR232N, Địa lí tự nhiên VN: Phần khu vực (3 tín chỉ)

Học phần Địa lí tự nhiên Việt Nam phần khu bao gồm 6 chương. Trong các chương 1,2,3 sinh viên sẽ được cung cấp cho các kiến thức về phân vùng địa lí tự nhiên, về sự ảnh hưởng của các quy luật phân hóa đến sự phân hóa tự nhiên của lãnh thổ Việt Nam. Các chương 4,5,6 tìm hiểu về đặc điểm của 3 miền địa lí tự nhiên ở Việt Nam: Miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ, miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ, miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ; Tìm hiểu về đặc điểm của các khu địa lí tự nhiên trong từng miền.

6.37. SEG331N, Địa lí KT-XH đại cương 1 (3 tín chỉ)

Địa lí kinh tế - xã hội đại cương là môn khoa học chuyên ngành dành cho sinh viên ngành địa lí, có ý nghĩa to lớn trong việc trang bị cho sinh viên địa lí những kiến thức cơ bản của địa lí kinh tế xã hội. Nội dung môn học bao gồm: Đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu địa lí kinh tế - xã hội; mối quan hệ của Địa lí KTXH với các ngành khoa học khác, các trường phái địa lí trong lịch sử; những khái niệm cơ bản về môi trường, tài nguyên, về phát triển bền vững; những vấn đề cơ bản của địa lí dân cư (biến động dân số, kết cấu dân số, phân bố dân cư), quần cư (nông thôn và thành thị) và một số khía cạnh của địa lí xã hội (chủng tộc, tôn giáo, ngôn ngữ, các chỉ tiêu đánh giá sự phát triển kinh tế).

6.38. SEG342N, Địa lí KT-XH đại cương 2 (4 tín chỉ)

Địa lí kinh tế - xã hội đại cương 2 trang bị cho sinh viên hiểu và đánh giá hiện trạng phát triển, sự phân bố các ngành và phân ngành; các hình thức tổ chức lãnh thổ nông – lâm – ngư nghiệp, công nghiệp, dịch vụ trên thế giới. Thông qua đó, sinh viên có phân tích, đánh giá tình hình phát triển và phân bố các ngành kinh tế của thế giới và liên hệ Việt Nam; từ đó có thể đưa ra một số giải pháp mang tính hệ thống, phù hợp và có ý nghĩa thực tiễn.

6.39. EGF222N, Thực địa địa lí KTXH (2 tín chỉ)

Thực địa địa lí kinh tế - xã hội cung cấp những kiến thức cơ bản về khái niệm, đặc thù của thực địa; Các bước chuẩn bị thực địa địa lí kinh tế - xã hội (mục đích, ý nghĩa, phương pháp thực địa; Xác định địa bàn thực địa, sưu tầm tài liệu, vạch kế hoạch; Chuẩn bị cơ sở vật chất, trang thiết bị; Biên chế tổ chức họp bàn, phổ biến kế hoạch thực địa)

Từ đó, phân tích và đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội (dân cư – lao động, hệ thống cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật, thực trạng phát triển và thế

mạnh các ngành kinh tế, quá trình đô thị hóa, du lịch, ...) ở địa bàn nghiên cứu trong mối quan hệ biện chứng với các thành phần của tự nhiên và với các khu vực khác.

6.40. EWG231N, Địa lí KT-XH thế giới 1 (3 tín chỉ)

Địa lí kinh tế - xã hội thế giới 1 trang bị cho sinh viên những kiến thức về đặc điểm tự nhiên, đặc điểm kinh tế - xã hội và tác động của các điều kiện đến sự phát triển của khu vực cũng như từng quốc gia; Quá trình phát triển chung của từng ngành, cơ cấu ngành và cơ cấu lãnh thổ, những thành tựu đạt được, những nguyên nhân thành công và những vấn đề còn tồn tại của KTXH châu Âu, châu Mỹ và châu Đại Dương. Triển vọng phát triển KTXH của các nước trong tương lai và khả năng, triển vọng hợp tác của với Việt Nam.

6.41. EWG232N, Địa lí KT-XH thế giới 2 (3 tín chỉ)

Địa lí KT-XH các nước châu Á, châu Phi là một bộ phận của Địa lí KT-XH. Môn học này trang bị cho sinh viên những kiến thức về đặc điểm tự nhiên, đặc điểm KT-XH và tác động của các điều kiện đến sự phát triển của khu vực cũng như từng quốc gia; Quá trình phát triển chung của từng ngành, cơ cấu ngành và cơ cấu lãnh thổ, những thành tựu đạt được, những nguyên nhân thành công và những vấn đề còn tồn tại của châu Á, châu Phi. Triển vọng phát triển KT-XH của các nước trong tương lai và khả năng, triển vọng hợp tác với Việt Nam.

6.42. EVG 241N, Địa lí KTXH Việt Nam 1 (4 tín chỉ)

Địa lí kinh tế - xã hội Việt Nam 1 là môn học trang bị cho sinh viên kiến thức về vị trí địa lí, các nguồn lực để phát triển kinh tế của Việt Nam; Các vấn đề về dân cư, dân tộc; Tổ chức lãnh thổ các ngành công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ. Đây là những kiến thức chuyên ngành quan trọng về địa lí tổ quốc, đồng thời là kiến thức nền tảng để giảng dạy ở trường phổ thông (Địa lí lớp 9; Địa lí lớp 12).

6.43. EVG232N, Địa lí KT-XH Việt Nam 2 (3 tín chỉ)

Địa lí kinh tế - xã hội Việt Nam 2 là môn học cốt lõi trong chương trình đào tạo sư phạm địa lí, có liên hệ chặt chẽ với các môn học địa lí tổ quốc. Môn học trang bị cho sinh viên hiểu được đặc điểm kinh tế xã hội nổi bật của từng vùng (Đồng bằng sông Hồng, Trung du và miền núi phía Bắc, Bắc Trung Bộ, Duyên hải Nam Trung Bộ, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long, vùng biển và hải đảo Việt Nam); kiến thức cơ bản về các vùng và khu vực kinh tế trọng điểm đầu tư; Việt Nam - Tầm nhìn chiến lược. Đây là những kiến thức chuyên ngành nền tảng quan trọng để giảng dạy ở trường phổ thông (Địa lí lớp 9; Địa lí lớp 12).

6.44. GIS231N, Hệ thống thông tin địa lí (3 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về hệ thống thông tin địa lí (GIS), cách thức tổ chức một cơ sở dữ liệu địa lí bằng các phần mềm GIS. Giới thiệu về phần mềm Mapinfo: cách thức tổ chức các lớp bản đồ (layers bản đồ); thành

lập bản đồ từ dữ liệu ảnh, dữ liệu số; biên tập bản đồ chuyên đề bằng Mapinfo; trình bày bản đồ trong trang layout, xuất bản và in ấn bản đồ.

6.45. GGF223N, Thực địa Địa lí tổng hợp (2 tín chỉ)

Thực địa địa lí tổng hợp cung cấp những kiến thức cơ bản về khái niệm, đặc thù của thực địa; Các bước chuẩn bị thực địa địa lí tổng hợp (mục đích, ý nghĩa, phương pháp thực địa; Xác định địa bàn thực địa, sưu tầm tài liệu, vạch kế hoạch; Chuẩn bị cơ sở vật chất, trang thiết bị; Biên chế tổ chức hợp bàn, phổ biến kế hoạch thực địa). Sinh viên sẽ được giới thiệu tổng quan về địa bàn thực địa và các vấn đề nghiên cứu liên quan, được trang bị một số phương pháp/kỹ năng nghiên cứu cơ bản để thu thập dữ liệu trên các tuyến/điểm thực địa, viết báo cáo và trình bày kết quả nghiên cứu về một vấn đề cụ thể trên địa bàn thực địa, về các vấn đề tổ chức lãnh thổ kinh tế - xã hội tổng hợp, tổ chức lãnh thổ các ngành kinh tế, mối quan hệ giữa tài nguyên – môi trường và sự phát triển trên địa bàn thực địa.

6.46. CCG221N, Biến đổi khí hậu toàn cầu (2 tín chỉ)

Môn học này cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về biến đổi khí hậu như các khái niệm cơ bản về biến đổi khí hậu, các biểu hiện, đặc điểm, nguyên nhân gây ra biến đổi khí hậu và tác động của biến đổi khí hậu đến đời sống, kinh tế và môi trường; cơ sở, phương pháp xây dựng và nội dung kịch bản biến đổi khí hậu và nước biển dâng; các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu trên phạm vi toàn cầu và thực tế ở Việt Nam, các biện pháp giáo dục ứng phó với biến đổi khí hậu cho học sinh trong các trường phổ thông.

6.47. NDE221N, Thiên tai và biện pháp phòng tránh (2 tín chỉ)

Cung cấp và trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về địa động lực (nội sinh, ngoại sinh và nhân sinh), khái niệm tai biến, tai biến môi trường; phân loại tai biến theo các nguồn gốc khác nhau; các thảm họa thiên nhiên và do con người ảnh hưởng đến môi trường tự nhiên, môi trường xã hội, các dạng tài nguyên.

Sinh viên có thể hiểu được cơ chế hình thành, hậu quả, thiệt hại do các loại hình tai biến gây ra; nắm được một số hệ thống cảnh báo sớm, kỹ năng ứng phó với một số loại hình tai biến.

6.48. TPG221N, Địa lí nhiệt đới (2 tín chỉ)

Môn học nghiên cứu về vị trí địa lí, đặc điểm các điều kiện tự nhiên của miền nhiệt đới: Lịch sử hình thành, đặc điểm địa chất, địa hình, khí hậu, thủy văn, thổ nhưỡng và sinh vật. Đánh giá được những thuận lợi và khó khăn của khu vực nhiệt đới nói chung và Việt Nam nói riêng để có các biện pháp khai thác, sử dụng thiên nhiên nhiệt đới một cách hợp lí và có khả năng phòng, tránh các rủi ro do thiên nhiên nhiệt đới ảm mang lại.

6.49. SEG221N, Địa lí du lịch (2 tín chỉ)

Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về du lịch. Đồng thời phân tích những nhu cầu du lịch và các loại hình du lịch, một số nguồn cung chủ yếu trong du lịch, quan hệ cung cầu và tính thời vụ trong du lịch. Từ đó giúp sinh viên có kiến thức để xây dựng tour, tuyến, những điểm đến du lịch, quy hoạch định hướng phát triển du lịch cho các vùng của Việt Nam.

6.50. EGP221N, Địa lí Đông Nam Á (2 tín chỉ)

Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức về tự nhiên, dân cư và sự phát triển kinh tế xã hội của khu vực Đông Nam Á, bao gồm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ, điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên, dân cư – xã hội, tình hình phát triển kinh tế. Môn học cũng giới thiệu về hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á ASEAN: sự ra đời và quá trình phát triển, mục tiêu và cơ chế hợp tác, đặc biệt chú ý tới những cơ hội và thách thức của Việt Nam khi tham gia ASEAN.

6.51. URG221N, Địa lí đô thị (2 tín chỉ)

Địa lý đô thị trang bị cho sinh viên hiểu và đánh giá những vấn đề chung về địa lí đô thị bao gồm: khái niệm, lịch sử hình thành và phát triển đô thị; Phân loại đô thị và chức năng đô thị. Các vấn đề đô thị hóa với những nội dung chính: khái niệm, những tiêu chí xác định và những biểu hiện cơ bản của đô thị hóa; Chương 1 Lịch sử đô thị hóa, Chương 2 Đặc điểm đô thị hóa của các nước trên thế giới và chương 3 quá trình đô thị hóa ở Việt Nam. Những vấn đề đặt ra với các đô thị trên thế giới và ở Việt Nam; Quy hoạch và phát triển đô thị bền vững.

6.52. EPS331M, Tâm lý học giáo dục (3 tín chỉ)

Môn học nhằm trang bị cho người học những khái niệm, quy luật và phương pháp chung nhất của tâm lý học giáo dục; những vấn đề lý luận về sự phát triển tâm lý lứa tuổi học sinh THCS, THPT, cơ chế, qui luật và giai đoạn phát triển tâm lí cá nhân; những cơ sở tâm lý học của hoạt động dạy học và giáo dục; mối quan hệ giữa dạy học và nhận thức, dạy học và giáo dục, các lí thuyết tâm lí học; cơ sở tâm lí học của giáo dục đạo đức. Đặc biệt, môn học cung cấp cho người học một số vấn đề lí thuyết về những nguyên tắc đạo đức và kỹ năng hỗ trợ tâm lí trong nhà trường. Từ đó, có thể vận dụng những tri thức đã học trong việc giảng dạy, nghiên cứu tâm lý con người, hình thành và phát triển nhân cách học sinh, hỗ trợ học sinh THCS, THPT giải quyết những khó khăn vướng mắc về tâm lí. Đồng thời, môn học cũng là cơ sở để nghiên cứu các môn học khác trong chương trình đào tạo như: Giáo dục học và các chuyên ngành tâm lý học ứng dụng khác

6.53. PEP341M, Giáo dục học (4 tín chỉ)

Môn Giáo dục học là môn học bắt buộc trong khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo cử nhân sư phạm. Cung cấp cho sinh viên sư phạm những kiến

thức cơ sở để hình thành phẩm chất chính trị, phẩm chất đạo đức nghề nghiệp; những kiến thức nền tảng để hình thành năng lực dạy học, năng lực giáo dục học sinh.

Môn học đề cập đến những nội dung sau:

- Những kiến thức về Giáo dục học là một khoa học về giáo dục con người; Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển nhân cách; Những kiến thức về mục đích giáo dục và nhiệm vụ giáo dục.

- Kiến thức về lý luận dạy học như: khái niệm quá trình dạy học, cấu trúc, nhiệm vụ, bản chất của quá trình dạy học, quy luật, động lực, lô gic của quá trình dạy học; nguyên tắc và phương pháp dạy học, hình thức tổ chức tổ chức dạy học.

- Kiến thức về lý luận giáo dục: Khái niệm quá trình giáo dục, đặc điểm, bản chất của quá trình giáo dục, lô gic của quá trình giáo dục; Các nguyên tắc và phương pháp giáo dục; kiến thức và kỹ năng tổ chức một số hoạt động giáo dục ở trường phổ thông.

- Kiến thức về yêu cầu nhân cách người giáo viên, đặc điểm lao động sư phạm, các nội dung và phương pháp giáo dục đặc thù đặc thù của người giáo viên chủ nhiệm lớp.

Môn Giáo dục học có mối quan hệ chặt chẽ với các môn học khác trong chương trình đào tạo như: với Tâm lý học, Triết học, Phương pháp giảng dạy bộ môn, thực tập sư phạm sư phạm, rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên.

6.54. COS321M, Giao tiếp sư phạm (2 tín chỉ)

Học phần trang bị kiến thức về: Khái niệm, vị trí, vai trò và các giai đoạn của giao tiếp sư phạm; Các nguyên tắc, phong cách và kỹ năng giao tiếp sư phạm; Rèn luyện một số kỹ năng giao tiếp sư phạm cơ bản trong dạy học địa lí; Lựa chọn phong cách giao tiếp sư phạm phù hợp với đối tượng học sinh và tình huống giao tiếp; tự tin, chủ động trong giao tiếp.

6.55. GDC321N, Phát triển chương trình Địa lí (2 tín chỉ)

- Nội dung môn học nhằm giúp cho sinh viên có những kiến thức cơ bản về chương trình, xây dựng, phát triển chương trình nói chung, chương trình địa lí nói riêng. Trên cơ sở đó có kỹ năng xây dựng và phát triển chương trình địa lí đáp ứng được mục tiêu giáo dục phổ thông sau năm 2018. Nội dung môn học gồm 3 chương: chương 1 là những vấn đề chung về phát triển chương trình, chương 2: Phát triển chương trình nhà trường môn Địa lí, chương 3: Thực hành.

6.56. TTG331N, Lý luận dạy học Địa lí (3 tín chỉ)

Nội dung môn học nghiên cứu quá trình dạy học địa lí trong nhà trường phổ thông, đặc biệt tập trung làm rõ các thành tố cơ bản của quá trình dạy học. Môn học cũng chú trọng rèn luyện cho sinh viên khả năng vận dụng các kiến thức lý thuyết vào thực tiễn: toàn bộ những vấn đề chung về phương pháp dạy học địa lí đều được làm rõ

bằng việc soạn giảng các bài học cụ thể trong chương trình, sách giáo khoa địa lí ở THPT.

6.57. TMG332N, Phương pháp dạy học Địa lí ở trường phổ thông (3 tín chỉ)

Phương pháp dạy học Địa lí ở trường phổ thông là môn học cơ bản và bắt buộc đối với sinh viên chuyên ngành Sư phạm Địa lí. Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về nội dung, chương trình môn Địa lí ở trường phổ thông, các phương pháp, phương tiện dạy học Địa lí, các kỹ năng nhận xét, phân tích, tổng hợp, so sánh các sự vật hiện tượng cũng như các kỹ năng xây dựng biểu đồ, sử dụng và khai thác bản đồ, số liệu thống kê có liên quan. Vận dụng các phương pháp, phương tiện cụ thể trong dạy học địa lý ở trường THPT...

6.58. MTS331N, Phương pháp dạy học khoa học xã hội (2 tín chỉ)

Nội dung môn học tập trung làm rõ các xu hướng dạy học môn Khoa học xã hội trên thế giới hiện nay; chỉ rõ đặc điểm của các môn khoa học xã hội trong nhà trường; các phương pháp giảng dạy khoa học xã hội và thiết kế chủ đề khoa học xã hội theo định hướng phát triển năng lực cho người học, trong đó tập trung vào các chủ đề tích hợp trong giảng dạy địa lí ở trường phổ thông, nghiên cứu các vấn đề liên quan đến xã hội, nhân văn trong địa lý học. Học phần gồm 4 chương. Địa lý học nhân văn bao gồm các chuyên ngành như địa lý kinh tế, địa lý chính trị, địa lý xã hội, địa lý đô thị, địa lý lịch sử, địa lý văn hóa, địa lý nhân khẩu,...

6.59. LGT321N, Dạy học địa lí địa phương (2 tín chỉ)

Địa lí địa phương là môn học cơ bản và bắt buộc đối với sinh viên chuyên ngành Sư phạm Địa lí. Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về khái niệm, mục đích, nội dung nghiên cứu Địa lí địa phương, các quan điểm và phương pháp nghiên cứu Địa lí địa phương, mục đích, ý nghĩa của việc dạy học Địa lí địa phương, các phương pháp dạy học Địa lí địa phương, các hình thức tổ chức dạy học Địa lí địa phương.

6.60. PPB321N, Thực hành sư phạm Địa lí 1 (2 tín chỉ)

Nội dung môn học nhằm giúp cho sinh viên có những hiểu biết về vai trò của các kỹ năng dạy học địa lí, xác định được các kỹ năng dạy học địa lí cơ bản, hiểu biết về các kỹ thuật của mỗi kỹ năng dạy học. Trên cơ sở đó, vận dụng vào các bài học cụ thể trong chương trình địa lí ở trường phổ thông nhằm rèn luyện các kỹ năng dạy học.

6.61. PPB322N, Thực hành sư phạm Địa lí 2 (2 tín chỉ)

Môn học trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng về khai thác và xử lý thông tin trong dạy học Địa lí, tìm hiểu về chương trình và sách giáo khoa địa lí ở trường phổ thông, thực hành kỹ năng sử dụng các phương tiện dạy học địa lí.

6.62. PPB323N, Thực hành sư phạm Địa lí 3 (2 tín chỉ)

Học phần trang bị kiến thức về: Thiết kế kế hoạch và tổ chức hoạt động dạy học Địa lí thông qua các bài học cụ thể, cách xây dựng kế hoạch dạy học và tổ chức hoạt động dạy học ở trường phổ thông.

6.63. TRA321N, Thực tập sư phạm 1 (2 tín chỉ)

Học phần thực tập sư phạm 1 giúp sinh viên vận dụng những kiến thức giáo dục học trong thực tế ở trường phổ thông, sinh viên sẽ làm quen với công việc của giáo viên chủ nhiệm lớp, bắt đầu học tập cách xây dựng kế hoạch dạy học, cách ghi biên bản dự giờ.

6.64. TRA322N, Thực tập sư phạm 2 (3 tín chỉ)

Sinh viên có 7 tuần học tập tại các trường phổ thông để thực hành các kiến thức về chuyên môn, nghiệp vụ: làm công tác chủ nhiệm lớp, giảng bài, tổ chức các hoạt động sư phạm phù hợp với nội dung của bộ môn.

6.65. ETG321N, Đánh giá trong dạy học địa lí (2 tín chỉ)

- Nội dung môn học nhằm giúp cho sinh viên có những kiến thức cơ bản về kiểm tra đánh giá. Trên cơ sở đó có kỹ năng xây dựng và thiết lập được các đề kiểm tra đánh giá đảm bảo đánh giá được năng lực học sinh. Nội dung môn học gồm 3 chương: chương 1: Cơ sở lý luận về kiểm tra đánh giá, chương 2: Các công cụ kiểm tra đánh giá; Chương 3: Xử lý và phản hồi kết quả kiểm tra đánh giá; Chương 4: Thực hành

6.66. ECA231N, Hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong môn Địa lí (2 tín chỉ)

Môn học cung cấp những khái niệm cơ bản nhất về dạy học trải nghiệm, hoạt động trải nghiệm sáng tạo, bên cạnh đó môn học chỉ rõ vai trò, ý nghĩa của các hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong học tập, góp phần phát triển năng lực cho người học theo định hướng phát triển năng lực. Môn học gồm có 3 phần nội dung kiến thức, chương 1, tập trung làm rõ đối tượng, nhiệm vụ, ý nghĩa, các phương pháp nghiên cứu và các nguyên tắc tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo; chương 2, chỉ rõ mục tiêu của hoạt động trải nghiệm sáng tạo và vai trò của người dạy – người học trong hoạt động trải nghiệm sáng tạo Trong phần chương cuối tập trung vào những hoạt động trải nghiệm sáng tạo cụ thể giúp cho người học có khả năng vận dụng vào thực tiễn.

6.67. STG321N, Địa danh trong dạy học địa lí (2 tín chỉ)

Địa danh học là môn học cơ bản và tự chọn đối với sinh viên chuyên ngành Sư phạm Địa lí. Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về khái niệm chung: địa danh, đặc điểm địa danh Việt Nam, phân loại và phân vùng địa danh Việt Nam, tính đa dạng của địa danh như: sông ngòi, hồ đầm, đồi núi, hải đảo, làng xã, quận/huyện, tỉnh/thành, Quốc gia.

6.68. ITG321N, Ứng dụng CNTT trong dạy học Địa lí (2 tín chỉ)

Ứng dụng CNTT trong giảng dạy Địa lí là môn học cơ bản và bắt buộc đối với sinh viên chuyên ngành Sư phạm Địa lí. Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về các ứng dụng của phần mềm MS. Office, các thao tác để thực hiện việc soạn thảo văn bản với ứng dụng MS. Word, các thao tác vẽ biểu đồ Địa lí bằng ứng dụng MS. Excel cũng như sử dụng một số hàm đơn giản, những bước thiết kế một bài giảng điện tử thông qua ứng dụng P.Point, Violet, Adobe Presenter ...

6.69. GTG971N, Khoá luận tốt nghiệp (7 tín chỉ)

6.70. CLG921N, Khí hậu học và đời sống (2 tín chỉ)

Học phần này cung cấp cho người học cơ sở khí hậu học bao gồm các hiện tượng phổ biến thường xuyên và có tác động lớn nhất đến đời sống của con người như hiện tượng phân bố nhiệt độ, độ ẩm, mây, mưa, gió, bão,... Phân tích mối quan hệ giữa khí hậu và phân bố dân cư, sản xuất, các hệ sinh thái; các hiện tượng khí hậu có tác động trực tiếp và gián tiếp đến sự sống của con người; nguyên nhân, biểu hiện và các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu toàn cầu.

6.71. WLG921N, Tài nguyên nước và sự sống trên Trái Đất (2 tín chỉ)

Nội dung môn học bao gồm kiến thức cơ bản về đặc điểm phân bố và vai trò của tài nguyên nước đối với sự sống và hoạt động kinh tế xã hội của con người trên Trái Đất. Mối quan hệ giữa sự phân bố tài nguyên nước và phân bố dân cư, hoạt động kinh tế xã hội của con người. Thực trạng tài nguyên nước và những vấn đề toàn cầu hiện nay gồm: ô nhiễm, mất cân bằng nước và chiến tranh nước giữa các quốc gia. Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu toàn cầu tới tài nguyên nước trên thế giới; những giải pháp bảo vệ và sử dụng tài nguyên nước hợp lý. Những nội dung giáo dục bảo vệ tài nguyên nước ở trường phổ thông.

6.72. POD921N, Dân số và sức khỏe sinh sản (2 tín chỉ)

Môn học được thiết kế nhằm mục đích trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản: Tổng quan về giáo dục dân số, các xu hướng biến đổi dân số, chất lượng cuộc sống, dân số và phát triển, sức khỏe sinh sản vị thành niên, chính sách và chiến lược dân số - SKSS ở Việt Nam.

6.73. EDP921N, Kinh tế phát triển (2 tín chỉ)

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sự phân chia các nhóm nước phát triển và đang phát triển, đối tượng nghiên cứu là các nước đang phát triển với những đặc trưng cơ bản về kinh tế - xã hội (GDP, GDP/người, tích lũy tài sản, thặng dư thương mại). Đồng thời, cung cấp một số lý thuyết về tăng trưởng và phát triển kinh tế, quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở các nước đang phát triển và phân tích một số vấn đề về kinh tế - xã hội trong quá trình phát triển kinh tế ở các nước đang

phát triển (vốn và đầu tư, ngoại thương và cán cân thương mại, nghèo khổ, việc làm, chất lượng cuộc sống, bất bình đẳng xã hội)

6.74. FSG931N, Chuyên đề bồi dưỡng học sinh giỏi (2 tín chỉ)

Chuyên đề bồi dưỡng học sinh giỏi là học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp đối với sinh viên chuyên ngành Sư phạm Địa lí. Môn học cung cấp những kiến thức về nội dung, chương trình chuyên sâu môn Địa lí ở trường phổ thông, các phương pháp, phương tiện dạy học Địa lí, các kỹ năng nhận xét, phân tích, tổng hợp, so sánh các sự vật hiện tượng cũng như các kỹ năng xây dựng biểu đồ, sử dụng và khai thác bản đồ, số liệu thống kê có liên quan.....

6.75. MIG931N, Dạy học đa phương tiện trong môn địa lí (2 tín chỉ)

Môn học cung cấp kiến thức và kỹ năng về dạy học trong môi trường đa phương tiện, bao gồm: lý luận về đa phương tiện và dạy học trong môi trường đa phương tiện; các hình thức tổ chức dạy học sử dụng đa phương tiện; phương pháp dạy học sử dụng đa phương tiện trong dạy học môn Địa lí; thiết kế và tổ chức dạy học đa phương tiện môn Địa lí THPT.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



PGS.TS. Nguyễn Thị Tính

TRƯỞNG KHOA



PGS.TS. Nguyễn Phương Liên